

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2021/HS-PT**
Ngày 26-01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Ngẫu.

Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Quốc Tuấn

- Bà Trương Thị Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phở – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Hồng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 166/2020/TLPT-HS, ngày 04 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo Nguyễn Minh T, Trịnh Minh L, Nguyễn Văn P, Lưu Vĩ K, Trần Hoài P, do có kháng cáo của các bị cáo T, L, P, K, P đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2020/HS-ST, ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện BC, tỉnh Tây Ninh.

Bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Minh T**, sinh ngày 01-12-1990 tại tỉnh Tây Ninh. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: khu phố 4, thị trấn BC, huyện BC, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: chạy xe ôm; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1957 và bà Trần Thị S, sinh năm 1968; vợ: Cao Thị T, sinh năm 1991; có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09-7-2020 đến nay.

2. **Trịnh Minh L**(tên gọi khác: N), sinh ngày 18-01-1982 tại tỉnh Tây Ninh. ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: khu phố 3, thị trấn BC, huyện BC, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: chạy xe ôm; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo:

không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn Q, sinh năm 1951 và bà Đặng Thị K, sinh năm 1954; vợ: Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1984; con: có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09-7-2020 đến nay.

3. **Nguyễn Văn P**, sinh ngày 16-5-2001 tại tỉnh Tây Ninh; ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: ấp TT, xã LT, huyện BC, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975 và bà Võ Thị H, sinh năm 1982; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04-8-2020 đến nay.

4. **Lưu Vĩ K**, sinh ngày 01-5-2001 tại tỉnh Tây Ninh. ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: ấp Bàu TL, xã TT, huyện BC, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn H, sinh năm 1973 và bà Phạm Thị Bích H, sinh năm 1972; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04-8-2020 đến nay.

5. **Trần Hoài P**, sinh ngày 28-7-1990 tại tỉnh Tây Ninh. ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: ấp BT, xã TT, huyện BC, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh P, sinh năm 1963 và bà Lê Thị L, sinh năm 1968; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04-8-2020 đến nay.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 00 phút, ngày 21-5-2020, tại khu vực cột mốc phụ 171/2 thuộc ấp TT, xã LT, huyện BC, tỉnh Tây Ninh, lực lượng Đoàn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài, tỉnh Tây Ninh phát hiện Lưu Vĩ K, Nguyễn Văn P, Trần Hoài P đang đưa 04 người Việt Nam gồm Lưu Thế T, Phạm Văn T, Dương Thị Sa R và Bùi Thị Thủy T xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Campuchia.

Quá trình điều tra xác định: Nguyễn Minh T và Trịnh Minh L làm nghề chạy xe ôm tại khu vực Cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài thuộc ấp TT, xã LT, huyện BC, tỉnh Tây Ninh, do thường xuyên qua lại khu vực biên giới nên thông thạo đường mòn, lối mở qua lại biên giới Việt Nam và Campuchia. Do trước đây, Lưu Thế T có đi xe Honda ôm của T nên biết T. Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 20-5-2020, T đến nhà gặp T để thuê đưa T và 03 người khác gồm Phạm Văn T, Dương Thị Sa R và Bùi Thị Thủy T từ Việt Nam sang Campuchia, T đồng ý nhưng chưa thỏa thuận tiền công. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T đến gặp L và thuê L đưa 04 người này từ Việt Nam sang Campuchia, L

đồng ý với tiền công mỗi người là 5.000.000 đồng. Sau đó, T đến gặp T nói đồng ý đưa 04 người đi với tiền công là 6.000.000 đồng/người thì T và những người đi cùng đồng ý, đã trả cho T 24.000.000 đồng.

Khoảng 16 giờ ngày 21-5-2020, L điện thoại cho K, P và P đến nhà L gần Công ty VN- Mộc Bài thuộc ấp TT, xã LT, huyện BC, tỉnh Tây Ninh để đưa 04 người xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Campuchia, khi đưa được người sang Campuchia về L sẽ cho tiền. Tại đây, L kêu P và K đến quán nước gần trụ ATM Công ty VN – Mộc Bài để đón 04 người Việt Nam do T chở đến, P thì đi đến khu vực biên giới gần cột mốc phụ 171/2 thuộc ấp TT, xã LT, huyện BC, tỉnh Tây Ninh để cảnh giới lực lượng chức năng. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển số 54X7-3173 chở T, Sa R, T, T đến gặp P và K. Sau khi nhận đủ người, P điều khiển xe mô tô Wave màu xanh, số khung: VDEPCH032DE*001530*, số máy VDEJL1P53FMH*001530* chở T và Sa R; K điều khiển xe mô tô màu đỏ, số khung RLHHC090X3Y215050, số máy HC09E-0215130 chở T và T đi về hướng biên giới, đến gần đường biên giới thì P và K để xe mô tô tại bụi cây, dẫn bộ 04 người đi đường ruộng đến vị trí P đang cảnh giới để đưa sang Campuchia, đi đến khu vực cột mốc phụ 171/2 thì bị phát hiện.

Qua làm việc, các bị Nguyễn Minh T, Trịnh Minh L, Nguyễn Văn P, Lưu Vĩ K, Trần Hoài P đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Kết luận giám định số 1051/KL-KTHS ngày 24-7-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: Tiền Việt Nam 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng) là tiền thật.

Kết luận giám định số 1052/KL-KTHS ngày 12-8-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Airblade, sơn màu: đỏ-đen, số khung: RLHJF18078Y822188, số máy: JF18E-5431477, số khung và số máy không bị đục sửa.

Kết luận giám định bổ sung số 1206/KL-KTHS ngày 25-8-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave Trung Quốc, sơn màu xanh, số khung: VDEPCH032DE*001530*, số máy VDEJL1P53FMH*001530*, số khung và số máy không bị đục sửa; Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave, sơn màu đỏ, số khung RLHHC090X3Y215050, số máy HC09E-0215130, số khung và số máy không bị đục sửa

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2020/HS-ST, ngày 29-10-2020 của Tòa án nhân dân huyện BC, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh T, Trịnh Minh L, Nguyễn Văn P, Lưu Vĩ K, Trần Hoài P phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”.

- Căn cứ khoản 1 và khoản 4 Điều 348; điểm 1 khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09 tháng 7 năm 2020.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Minh T số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm 1 khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Minh L (N) 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09 tháng 7 năm 2020.

- Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm 1 khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04 tháng 8 năm 2020.

- Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm 1 khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lưu Vĩ K 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04 tháng 8 năm 2020.

- Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm 1 khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Hoài P 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04 tháng 8 năm 2020.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12 tháng 11 năm 2020, các bị cáo Nguyễn Minh T, Trịnh Minh L, Nguyễn Văn P, Lưu Vĩ K, Trần Hoài P kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo T, L, P, K, P giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự lợi dụng tình hình dịch bệnh để phạm tội theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm 1 khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo L, xử phạt bị cáo T 04 năm tù, bị cáo L 03 năm tù, mỗi bị cáo P, P, K 02 năm tù là phù hợp, không nặng. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo không cung cấp bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật

Tổ tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bị cáo T, L, P, K và P không tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: các bị cáo T, L, P, K, P xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để sớm về hòa nhập cộng đồng, với gia đình lo cho vợ, con, cha mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Các bị cáo Nguyễn Minh T, Trịnh Minh L, Nguyễn Văn P, Lưu Vĩ K, Trần Hoài P bị Tòa án nhân dân huyện BC, tỉnh Tây Ninh xét xử vào ngày 29-10-2020; ngày 12-11-2020 cả 05 bị cáo T, L, P, K, P có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; đơn kháng cáo của các bị cáo hợp lệ, phù hợp với quy định tại Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi của các bị cáo thực hiện: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo T, L, P, K, P đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo; lời khai nhận tội này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 16 giờ ngày 21-5-2020, Nguyễn Minh T, Trịnh Minh L, Nguyễn Văn P, Lưu Vĩ K, Trần Hoài P đã sắp xếp, bố trí đưa 04 người gồm: Lưu Thế T, Phạm Văn T, Dương Thị Sa R và Bùi Thị Thủy T từ lãnh thổ Việt Nam xuất cảnh trái phép vào Campuchia, thu lợi bất chính 24.000.000 đồng. Khi đến khu vực cột mốc phụ 171/2 thuộc ấp TT, xã LT, huyện BC, tỉnh Tây Ninh, thì bị lực lượng Đồn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài, tỉnh Tây Ninh phát hiện bắt giữ vào lúc 20 giờ 00 cùng ngày. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Minh T, Trịnh Minh L, Nguyễn Văn P, Lưu Vĩ K, Trần Hoài P về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo T, L, K, P, P là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý hành chính Nhà nước trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh và cư trú. Trong tình hình dịch bệnh Covid- 19 đang diễn biến phức tạp trên toàn cầu, Chính phủ đã chỉ thị cấm xuất, nhập cảnh để ngăn ngừa sự lây lan của dịch bệnh, bảo vệ an toàn sức khỏe, tính mạng của người dân, các bị cáo không những không chấp hành mà ngược lại vì vụ lợi cá nhân các bị cáo đã thực hiện hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép gây nguy hiểm cho cộng đồng, đồng thời gây mất trật tự trị an tại

địa phương, gây mất an ninh biên giới. Do đó hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử phạt mức án tù nghiêm khắc mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo và đồng thời mới có tác dụng giáo dục phòng ngừa chung.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo T, L, P, K, P thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá toàn diện chứng cứ, xác định vai trò trách nhiệm của từng bị cáo trong vụ án, cụ thể trong vụ án này, bị cáo T là người giữ vai trò chính, trực tiếp giao dịch, nhận người, thỏa thuận giá, thu tiền và thuê bị cáo L tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép, thu lợi bất chính số tiền 4.000.000 đồng; bị cáo L là người trực tiếp tổ chức, lôi kéo, phân công các bị cáo P, K, P đưa người xuất cảnh trái phép, do đó bị cáo T chịu trách nhiệm hình sự cao nhất, kế tiếp là bị cáo L sau cùng là 03 bị cáo P, K, P chịu trách nhiệm hình sự ngang nhau. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự lợi dụng tình hình dịch bệnh để phạm tội theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm 1 khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với 05 bị cáo; áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo L, xử phạt bị cáo T 04 năm tù, bị cáo L 03 năm tù, mỗi bị cáo P, P, K 02 năm tù là phù hợp, không nặng. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo không bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T, L, P, K, P; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo của các bị cáo T, L, P, K, P không được chấp nhận, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Minh T, Trịnh Minh L (N), Nguyễn Văn P, Lưu Văn K, Trần Hoài P.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 55/2020/HS-ST, ngày 29/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện BC, tỉnh Tây Ninh.

- Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm l khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 04 (bốn) năm tù về tội “ Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09 tháng 7 năm 2020.

- Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm l khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Minh L (N) 03 (ba) năm tù về tội “ Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09 tháng 7 năm 2020.

- Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm l khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 02 (hai) năm tù về tội “ Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04 tháng 8 năm 2020.

- Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm l khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lưu Vĩ K 02 (hai) năm tù về tội “ Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04 tháng 8 năm 2020.

- Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm l khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Hoài P 02 (hai) năm tù về tội “ Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04 tháng 8 năm 2020.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Minh T, Trịnh Minh L (N), Nguyễn Văn P, Lưu Vĩ K, Trần Hoài P phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Phòng GDKT 1 (TANDCC);
- VKSND tỉnh TN;
- TAND huyện BC;
- VKSND huyện BC;
- Chi cục THADS huyện BC;

(Đã ký)

- Công an huyện BC;
- Phòng lý lịch STP. TTN;
- Phòng KTNV-THA;
- Bị cáo;
- Lưu THS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Văn Ngẫu